

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 68 /2019/DSST

Ngày: 08/11/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Từ Văn An

Bà Doãn Thị Lệ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Phạm Thị Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thắng Trinh – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐST - DS ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà **Bùi Thị Xuân H**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 12 Hùng V, thành phố P, tỉnh G, có mặt.

- **Bị đơn:** ông **Phạm Tấn T**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: 133 Lý Thái T, thành phố P, tỉnh G, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11- 4 -2019, các lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn là bà Bùi Thị Xuân H trình bày:

Năm 2015 tôi có cho anh Phạm Tấn T vay số tiền 435.000.000đ (bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng), khi vay anh T hẹn tôi đến ngày 12/02/2015 sẽ trả cho tôi 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), số tiền còn lại sẽ trả hàng tháng là 30,000,000đ (ba mươi triệu đồng), sau đó anh T có trả cho tôi được 45,000,000đ (bốn mươi lăm triệu đồng). Đến ngày 09/6/2016 anh T viết cam kết còn nợ lại tôi số tiền 390.000,000đ (ba trăm chín mươi triệu đồng) và hẹn sau 02 tháng sẽ trả tiếp cho tôi

50,000,000đ (năm mươi triệu đồng) và sau tiếp sẽ trả hết số tiền còn lại. Tuy nhiên anh T không thực hiện lời cam kết của mình. Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc anh Phạm Tấn T phải trả cho tôi số tiền 390,000,000đ (ba trăm chín mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bà Bùi Thị Xuân H đã nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình gồm:

- 01 Giấy nhận nợ của ông Phạm Tấn T có nhận nợ của bà Bùi Thị Xuân H số tiền 390,000,000đ (ba trăm chín mươi triệu đồng) và hẹn trong vòng 02 tháng sẽ trả 50.000.000đ (măm mươi triệu đồng) được viết và ký vào ngày 09/6/2016

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Phạm Tấn T đều vắng mặt và không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng tiến hành niêm yết tổng đạt hợp lệ: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập để tham dự phiên tòa nhưng ông Phạm Tấn T vắng mặt và không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Theo Biên bản xác minh ngày 12/6/2019, tại tổ 1, phường Y, TP.P, tỉnh G xác định:

Anh Phạm Tấn T, trú tại: 133 Lý Thái T, tổ 1, phường Y, TP.P, tỉnh G có đăng ký hộ khẩu tại tổ 1, phường Y, TP.P, tỉnh G, anh T không thường xuyên sống tại địa chỉ trên, nhưng thỉnh thoảng đi vài hôm rồi về.

Bị đơn là ông Phạm Tấn T vắng mặt và không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc rút yêu cầu tính lãi tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Bùi Thị Xuân H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Tấn T, trú tại: 133 Lý Thái T, thành phố P, tỉnh G phải trả số tiền 390,000,000đ (ba trăm chín mươi triệu đồng). Vì vậy, Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phạm Tấn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

Qua lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào biên bản do nguyên đơn cung cấp thì thấy rằng việc ông Phạm Tấn T có viết giấy nhận nợ bà Bùi Thị Xuân H vào ngày 09/6/2016 và cam kết sau 02 tháng sẽ trả số tiền 50,000,000đ (năm mươi triệu đồng), tuy nhiên sau đó ông Phạm Tấn T không thực hiện theo đúng cam kết của mình từ ngày viết giấy nhận nợ (ngày 09/6/2016)

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy rằng, căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 11/2/2015 và theo lời trình của nguyên đơn giấy nợ là do ông Phạm Tấn T tự nguyện viết và ký, đồng thời trước đó ông Phạm Tấn T cũng đã thực hiện được một phần nghĩa vụ của mình là đã trả được 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng), ông T đã chót nợ số tiền nợ bà Bùi Thị Xuân H số tiền 390,000,000đ (ba trăm chín mươi triệu đồng) và sau đó ông T tiếp tục hẹn nợ nhưng không hiện việc trả nợ theo như cam kết.

[3] Ông Phạm Tấn T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến hay phản đối lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như vậy ông T đã mặc nhiên chấp nhận việc có nợ của bà Bùi Thị Thu H và đồng thời xem như ông T đã từ bỏ các quyền của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

[4] Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 92 BLTTDS để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trên cơ sở giấy nhận nợ ngày 09/6/2016, như vậy có căn cứ xác định ông Phạm Tấn T có viết giấy nhận nợ và công nhận nợ bà Bùi Thị Xuân H số tiền 390,000,000đ (ba trăm chín mươi triệu đồng) nên bà H yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Tấn T phải trả cho bà H số tiền là 390,000,000đ (ba trăm chín mươi triệu đồng) là có căn cứ.

[5] Nguyên đơn bà Bùi Thị Xuân H yêu cầu bị đơn là ông Phạm Tấn T phải trả cho bà H tiền lãi theo quy định của pháp luật, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bà Bùi Thị Xuân H xin rút yêu cầu về việc tính lãi, xét thấy yêu cầu của bà H là phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Bùi Thị Xuân H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phạm Tấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.500.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 72; Điều 92; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 280; Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Xuân H.

2. Buộc ông Phạm Tấn T phải trả cho bà Bùi Thị Xuân H số tiền 390,000,000đ (*ba trăm chín mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Phạm Tấn T phải chịu 19.500.000đ (*mười chín triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Bùi Thị Xuân H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị Xuân H số tiền 9.750.000đ (*chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) đã tạm nộp án phí trước đây theo biên lai số 0001315 ngày 11/4/2019 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự TP.PleiKu, tỉnh Gia Lai.

4. Về thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS TP. Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Hồng

